

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-PT

Ngày: 17/3/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Tuấn và ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2021/HSST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1987 tại tỉnh Hải Dương; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị V; chồng là Bùi Văn Q (Đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2021 đến ngày 27/9/2021, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị D - Luật sư, Văn phòng Luật sư Tâm Á thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Số 615 L, phường N, thành phố D, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu T có thỏa thuận với Ngô Thị Thúy H, sinh năm 1986, trú tại khu 2, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hải Dương về việc nếu gặp khách có nhu cầu mua sâm thì T sẽ giới thiệu để H bán sâm lấy tiền. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày

18/9/2021, T đi ăn cùng Đoàn Văn K, sinh năm 1977 (Là bạn của T), trú tại khu Đ, phường Q, thành phố D, tỉnh Hải Dương và người đàn ông tự khai tên là Nguyễn Văn G, sinh năm 1975 (Là bạn của K), trú tại thôn N, xã X, huyện K, tỉnh Hải Dương tại quán thịt chó Lão Hạc của ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1957 ở thôn Cỏ P, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Tại đây, T và K nói chuyện việc T sẽ bán dâm cho K sau khi ăn xong. Thấy vậy, G nói với T "Tìm cho anh một đứa đến đây, phải đẹp gái để anh với nó đi chơi với nhau" và đưa cho T 200.000 đồng (01 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng) để T tìm gái bán dâm cho G. T đồng ý, nhận tiền và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn sim số 0328.453.312 của T gọi vào số điện thoại 0979.901.833 của H bảo "Sang đây chơi, các anh ấy lịch sự lắm, nếu chiều thì các anh ấy cho 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng", H không nói gì. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DEMAND, biển số 16M2-2686 của T đến xã H, huyện K gặp H, T nói "Đi chơi các anh ấy lịch sự lắm, nếu chiều các anh ấy cho 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng mà đóng học cho con", H hiểu là đi bán dâm lấy tiền, H đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 24B4-601.74 (H mượn của bạn là anh Nguyễn Đức TH, sinh năm 1987 ở khu 2, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hải Dương) đến ăn cùng với T, K và G. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T gửi xe của T tại quán ông A, rồi K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 34B2-408.30 (K mượn của vợ là chị Phí Thị O, sinh năm 1984 ở khu 3, phường T, thị xã M, tỉnh Hải Dương) chở T, H điều khiển xe mô tô biển số 24B4-601.74 chở G đến nhà nghỉ Thủy Hoàn do ông Nguyễn Xuân Y, sinh năm 1972 làm chủ ở thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. G và H thuê phòng 201, K và T thuê phòng 202 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Tại đây, G đưa thêm cho T 200.000 đồng (01 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng) trả công T giới thiệu H bán dâm cho G. G đưa cho H số tiền 1.000.000 đồng (Gồm 01 tờ polime mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ polime mệnh giá 50.000 đồng) để mua dâm H.

Hồi 13 giờ cùng ngày, khi G và H đang chuẩn bị quan hệ tình dục tại phòng 201, K và T đang chuẩn bị quan hệ tình dục tại phòng 202 thì Tổ công tác của Công an huyện K phối hợp với Công an xã L kiểm tra, phát hiện, thu giữ tại phòng 201: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, gắn sim số 0979.901.833, số tiền 1.000.000 đồng (Gồm 01 tờ polime 500.000 đồng, 02 tờ polime 200.000 đồng, 02 tờ polime 50.000 đồng, do H tự nguyện giao nộp) và 01 bao cao su nhãn hiệu Superman chưa qua sử dụng trên tủ đầu giường; thu tại phòng 202: 01 điện thoại di động Nokia 105 gắn sim số 0328.453.312, số tiền 400.000 đồng (Gồm 02 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng, do T tự nguyện giao nộp) và 01 bao cao su nhãn hiệu Superman chưa qua sử dụng dưới gối đầu giường; thu tại sảnh nhà nghỉ Thủy Hoàn: 02 xe mô tô biển số 24B4-301.74 và 34B2-408.30.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2021/HSST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện K đã căn cứ khoản 1, 4 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 18 (Mười tám) tháng tù về tội Môi giới mại dâm. Ngoài ra, bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/12/2021 bị cáo Nguyễn Thị Thu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí, tiền phạt và ủng hộ quỹ phòng chống Covid-19 tại địa phương.

Tại phiên tòa, bị cáo Thảo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo - bà Phạm Thị D trình bày: Nhất trí về tội danh điều khoản của bị cáo theo quyết định của bản án sơ thẩm. Không nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị y án sơ thẩm vì hình phạt đối với bị cáo theo bản án sơ thẩm là quá nghiêm khắc. Cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp án phí, tiền phạt và ủng hộ quỹ phòng chống Covid-19 tại địa phương nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là trụ cột trong gia đình, nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Điều 54 của BLHS, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội Môi giới mại dâm theo khoản 1 Điều 328 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt 18 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo T trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/9/2021, tại xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Thị Thu T đã có hành vi làm trung gian dẫn dắt để Nguyễn Văn G mua dâm Ngô Thị Thúy H với giá 1.000.000 đồng và T thu lợi bất chính 400.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội Môi giới mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Nguyễn Thị Thu T về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Về tội danh bị cáo Thảo không kháng cáo và VKSND không kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu T thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn chuẩn bị phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí, tiền phạt và tự nguyện ủng hộ quỹ phòng chống Covid-19 tại địa phương nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Trong vụ việc này, ngoài việc môi giới cho người khác mua bán dâm, bản thân bị cáo còn trực tiếp bán dâm (bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi bán dâm), do đó cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội đồng thời thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2021/HSST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với bị cáo Thảo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 09 (chín) tháng tù về tội Môi giới mại dâm, được trừ đi 09 ngày tạm giữ (từ ngày 18/9/2021 đến ngày 27/9/2021), bị cáo Nguyễn Thị Thu T còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 21(hai mươi một) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 17/3/2022)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện K;
- CQCSĐT, CQTHAHS, CQHSHNV - Công an huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Yến

